

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----**

Số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày 22/7/2019

V/v *Ly hôn giữa chị Hoa và
anh Thà*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Ông Từ Tuấn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22/7/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đào Thị H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, H.

Bị đơn: Phạm Văn T, sinh năm 1986 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn B, xã T, huyện T, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Đào Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 03 tháng 10 năm 2006, chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh T sống cùng với bố mẹ anh T một thời gian thì chuyển ra ở riêng tại thôn B, xã T, huyện T, H. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình. Mâu thuẫn phát sinh đỉnh điểm vào cuối năm 2018 nên chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện T và được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xin lỗi chị H nên chị H đã rút đơn để cho anh T cơ hội thay đổi. Song, anh T không thay đổi. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và ly thân với anh T từ tháng 3/2019. Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T có hai con chung là cháu Phạm Phương M, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014. Quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Gia B và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Tuy nhiên, tại phiên tòa, chị H thay đổi quan điểm và có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Phương M và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản vợ chồng: Chị Đào Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Phạm Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 03/10/2006, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên anh T và chị H thường xuyên cãi nhau và đánh nhau. Chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống, ly thân với T từ tháng 3/2019. Tuy nhiên, anh T nhận thấy mâu thuẫn giữa anh và chị H chưa đến mức trầm trọng để phải ly hôn. Do vậy, anh T không đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án nhân dân huyện T hòa giải để anh và chị H đoàn tụ.

Về con chung: Anh Phạm Văn T và chị Đào Thị H có hai con chung là cháu Phạm Phương M, sinh ngày 16/8/2007 và cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014. Nếu phải ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Phương M và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại địa phương, đại diện chính quyền thôn B và Ủy ban nhân dân xã T cung cấp: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H. Do bất đồng quan điểm sống nên trong quá trình chung sống hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau và không tự hòa giải được nên chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện T, không qua thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T. Chị H và anh T có hai con chung là cháu Phạm Phương M và cháu Phạm Gia B. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có quan điểm: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đào Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T;

Về con chung: Giao cháu Phạm Phương M, sinh ngày 16/8/2007 cho chị Đào Thị H tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H, anh T có quyền thăm nom chung không ai được cản trở; Về tài sản chung: Do chị H, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị Đào Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Đào Thị H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Phạm Văn T, sinh năm 1986, có địa chỉ tại thôn B, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không đến tham gia phiên tòa vào ngày 02/7/2019 nên Tòa án tiến hành hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2019 đã được niêm yết tại nơi cư trú của anh T, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T và trụ sở Tòa án nhân dân huyện T. Trong Quyết định ấn định rõ thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 22/7/2019. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 03/10/2006, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, giữa chị H và anh T đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sự bất đồng quan điểm sống giữa hai vợ chồng. Vì mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 3/2019. Cuối năm 2018, chị H đã nộp đơn xin ly hôn anh T tại Tòa án nhân dân huyện T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã tự nguyện rút đơn để vợ chồng tự hòa giải và đoàn tụ. Song, được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T lại phát sinh nên chị H tiếp tục nộp đơn xin ly hôn anh T.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T căng thẳng từ lâu, cả hai đã sống ly thân được một thời gian. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không đồng ý ly hôn với chị H và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ. Tuy nhiên, nguyện vọng đoàn tụ chỉ xuất phát từ phía anh T, trong khi đó chị H cương quyết xin ly hôn do chị H đã nhiều lần cho anh T cơ hội để thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Mặt khác, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh T. Chị H cũng nhận thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, nếu đoàn tụ thì không hạnh phúc nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

3.2] Về con chung: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T có hai con chung là cháu Phạm Phương M sinh ngày 16/8/2007, cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014. Nếu ly hôn, anh T có nguyện vọng nuôi cháu Phạm Phương M và không yêu cầu chị H phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Gia B nhưng tại phiên

tòa, chị H thay đổi quan điểm muốn được nuôi cháu Phạm Phương M và không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Xét, nguyện vọng nuôi con của anh T và chị H là chính đáng. Hiện tại, chị H và anh T đều là lao động tự do, có mức thu nhập trung bình nên chỉ đủ điều kiện để nuôi một cháu. Do cháu Phạm Phương M là con gái và đang trong độ tuổi phát triển cả về mặt thể chất và tâm lý nên rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ trực tiếp của người mẹ. Bên cạnh đó, cháu M có nguyện vọng được ở với chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Phương M nhưng anh T không đến tham gia phiên tòa để bảo vệ quan điểm của mình nên giao cháu Phạm Phương M, sinh ngày 16/8/2007 cho chị Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là để đảm bảo cho cháu M và cháu B phát triển tốt nhất về mọi mặt và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu nhau phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Phạm Văn T đối với hai cháu Phạm Phương M và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Đào Thị H đối với cháu Phạm Gia B cho đến khi có thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về tranh chấp ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

3.6] Về quyền kháng cáo bản án: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phương M, sinh ngày 16/8/2007 cho chị Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 05/11/2014 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Phạm Văn T đối với cháu Phạm Phương M và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Đào Thị H đối với cháu Phạm Gia B cho đến khi có thay đổi khác.
Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T được pháp luật bảo đảm.
3. Về tài sản của vợ chồng: Chị Đào Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đào Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/2015/0007250 ngày 22/5/2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.
5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa